



**Vietnam Auditing  
and Valuation  
Company Limited**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10-37



## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	
Ông Lê Việt Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/04/2018
Ông Lương Thanh Tùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên	
Ông Đoàn Thế Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Hùng	Thành viên độc lập	Bỏ nhiệm ngày 29/06/2018

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Phúc	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 28/02/2019
Ông Lương Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/02/2019
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

---

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



---

**Nguyễn Văn Phúc**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019*

Số: 451/BCKT/TC/NV8

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần SCI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần SCI (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2019, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Bảo Trung  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0373-2018-126-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2019

Mai Quang Hiệp  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 1320-2018-126-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>239.064.561.194</b>	<b>210.697.815.312</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>8.953.336.873</b>	<b>9.194.884.940</b>
1. Tiền	111		8.953.336.873	9.194.884.940
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>35.557.642.100</b>	<b>83.735.584.192</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		47.864.249.391	89.094.323.061
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(12.306.607.291)	(5.358.738.869)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>190.610.504.011</b>	<b>113.784.468.769</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	150.007.537.791	85.166.299.203
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.832.346.342	5.001.484.423
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	31.000.000.000	14.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	28.358.826.993	27.776.865.093
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(23.588.207.115)	(18.160.179.950)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>3.575.490.350</b>	<b>3.591.239.121</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.575.490.350	3.591.239.121
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>367.587.860</b>	<b>391.638.290</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	36.224.517	84.052.067
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		331.363.343	307.586.223
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>454.088.284.822</b>	<b>412.428.091.466</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>220.000.000</b>	<b>220.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	220.000.000	220.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.017.954.614</b>	<b>12.600.507.675</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	9.933.579.667	12.503.632.724
- Nguyên giá	222		38.842.034.791	39.087.251.425
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.908.455.124)	(26.583.618.701)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	84.374.947	96.874.951
- Nguyên giá	228		342.500.000	342.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(258.125.053)	(245.625.049)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>2.360.144.546</b>	<b>1.832.871.818</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.360.144.546	1.832.871.818
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>441.349.647.755</b>	<b>396.946.860.215</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		222.616.076.215	209.396.860.215
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		60.550.000.000	67.550.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		158.183.571.540	120.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>140.537.907</b>	<b>827.851.758</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	140.537.907	827.851.758
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>693.152.846.016</b>	<b>623.125.906.778</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÃ SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>205.196.304.569</b>	<b>152.402.243.413</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>204.344.489.569</b>	<b>148.362.428.413</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	96.236.350.821	34.375.002.150
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		492.625.013	482.625.013
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	3.612.950.196	12.486.440.711
4. Phải trả người lao động	314		595.399.328	419.451.037
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	7.171.000	673.471.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	99.409.928.371	10.935.373.662
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	3.188.000.000	88.188.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		802.064.840	802.064.840
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>851.815.000</b>	<b>4.039.815.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	56.815.000	56.815.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	795.000.000	3.983.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>487.956.541.447</b>	<b>470.723.663.365</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>487.956.541.447</b>	<b>470.723.663.365</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		407.907.140.000	388.491.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		407.907.140.000	388.491.390.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		982.166.000	982.166.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.192.087.059	8.192.087.059
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.875.148.388	73.058.020.306
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		53.429.270.306	35.522.012.433
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.445.878.082	37.536.007.873
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>693.152.846.016</b>	<b>623.125.906.778</b>

Nguyễn Thị Tú Quỳnh  
Người lập

Nguyễn Văn Thắng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	171.824.406.866	164.381.561.714
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		171.824.406.866	164.381.561.714
4. Giá vốn hàng bán	11	24	153.962.834.867	151.311.731.973
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		17.861.571.999	13.069.829.741
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	38.996.112.862	59.650.594.506
7. Chi phí tài chính	22	26	21.076.099.689	15.027.903.325
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.465.454.810	9.924.357.414
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	13.075.500.415	8.884.103.105
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		22.706.084.757	48.808.417.817
11. Thu nhập khác	31	28	2.677.473.828	3.409.634.319
12. Chi phí khác	32	29	3.050.527.859	3.155.100.132
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(373.054.031)	254.534.187
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		22.333.030.726	49.062.952.004
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	4.392.152.644	10.777.845.241
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		17.940.878.082	38.285.106.763


Nguyễn Thị Tú Quỳnh  
Người lập

Nguyễn Văn Thắng  
Kế toán trưởngNguyễn Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.333.030.726	49.062.952.004
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.984.651.395	4.346.397.562
- Các khoản dự phòng	03		12.375.895.587	(1.122.314.200)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(19.127.933.840)	(59.750.710.714)
- Chi phí lãi vay	06		9.465.454.810	9.924.357.414
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.031.098.678	2.460.682.066
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(64.998.128.416)	9.140.067.682
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.748.771	7.481.622.264
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		149.545.059.370	8.947.280.814
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		735.141.401	1.105.195.262
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		41.230.073.670	(48.181.721.500)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.616.754.810)	(9.923.091.580)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.511.850.858)	(3.760.101.265)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		131.430.387.806	(32.730.066.257)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(929.371.062)	(1.741.962.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		72.727.273	1.772.272.725
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(175.183.571.540)	(14.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		120.000.000.000	14.200.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.219.216.000)	(131.155.514.389)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7.000.000.000	156.065.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.775.495.456	16.228.006.060
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(43.483.935.873)	41.367.801.669

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(88.188.000.000)	(3.188.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(88.188.000.000)</i>	<i>(3.188.000.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(241.548.067)	5.449.735.412
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.194.884.940	3.745.149.528
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	<u>8.953.336.873</u>	<u>9.194.884.940</u>


Nguyễn Thị Tú Quỳnh  
Người lập

Nguyễn Văn Thắng  
Kế toán trưởngNguyễn Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

## 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI (tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 25 tháng 12 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 407.907.140.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 407.907.140.000 đồng; tương đương 40.790.714 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp 1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Lai Châu	Hoạt động xây lắp

## 2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính 2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết***

##### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

- |                                   |         |     |
|-----------------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 40 | năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 03 - 10 | năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 10 | năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 10 | năm |

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

#### ***Phần mềm máy tính***

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### **Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**Doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU.SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### **Doanh thu hợp đồng xây dựng**

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

### **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.917.854.171	2.564.821.838
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.035.482.702	5.156.563.102
Tiền đang chuyển	-	1.473.500.000
	<b>8.953.336.873</b>	<b>9.194.884.940</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**  
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
Đầu tư dài hạn	158.183.571.540	158.183.571.540	120.000.000.000	120.000.000.000
Trái phiếu	158.183.571.540	158.183.571.540	120.000.000.000	120.000.000.000
	<b>158.183.571.540</b>	<b>158.183.571.540</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>120.000.000.000</b>

## b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị cổ phiếu	47.864.249.391	35.557.642.100	89.094.323.061	105.715.138.700
GEX	38.346.878.822	30.013.250.000	70.041.671.500	91.116.957.000
PCT	-	-	9.535.280.992	10.439.550.000
SDA	7.410.000.000	4.419.996.600	7.410.000.000	2.686.664.600
VTX	1.475.610.000	1.072.276.600	1.475.610.000	1.377.236.000
Cổ phiếu khác	631.760.569	52.118.900	631.760.569	94.731.100
	<b>47.864.249.391</b>	<b>35.557.642.100</b>	<b>89.094.323.061</b>	<b>105.715.138.700</b>
				<b>Dự phòng VND</b>
				(5.358.738.869)
				(4.723.335.400)
				(98.374.000)
				(537.029.469)
				<b>(5.358.738.869)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	222.616.076.215	222.616.076.215	209.396.860.215	209.396.860.215
Công ty Cổ phần SCI E&C	71.366.250.000	71.366.250.000	71.366.250.000	71.366.250.000
Công ty TNHH SCI Nghệ An	118.749.826.215	118.749.826.215	118.749.826.215	118.749.826.215
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	6.500.000.000	6.500.000.000	1.280.784.000	1.280.784.000
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	26.000.000.000	26.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	60.550.000.000	60.550.000.000	67.550.000.000	67.550.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	550.000.000	550.000.000	550.000.000	550.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	30.000.000.000	30.000.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000
Quỹ đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam (*)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
	<b>283.166.076.215</b>	<b>283.166.076.215</b>	<b>276.946.860.215</b>	<b>276.946.860.215</b>
Dự phòng	-	-	-	-
Dự phòng VND	-	-	-	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2018 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần SCI E&C	Hà Nội	60,50%	60,50%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Nghệ An	51,00%	51,00%	Xây dựng thủy điện
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Hà Nội	65,00%	96,00%	Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Lai Châu	99,81%	99,81%	Xây dựng thủy điện

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2018 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hai Hà	Hà Nội			
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	Hà Nội	14,29%	14,29%	Phát triển dự án, thi công thủy điện
Quý đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam (*)	Hà Nội	30,00%	30,00%	Đầu tư tài chính

(\*) Theo biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 03/09/2015 về việc thành lập Quỹ đầu tư, khám phá giá trị ngân hàng Công thương Việt Nam giữa các bên là Công ty Cổ phần SCI, Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện và Công ty Cổ phần FTG Việt Nam như sau:

- Thời gian hoạt động của quỹ: 05 năm;
- Tổng vốn góp: 100 tỷ đồng;
- Vốn góp cam kết của SCI: 30 tỷ
- Lĩnh vực đầu tư: Cổ phiếu chưa niêm yết, các cổ phiếu chưa niêm yết, các doanh nghiệp IPO, các doanh nghiệp thoái vốn Nhà nước, trở thành cổ đông lớn trong các doanh nghiệp đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty cổ phần SCI E&C	17.387.318.817	13.889.594.639
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	96.936.151.346	26.574.835.987
Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	16.845.809.348	20.514.021.208
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	4.639.786.809	10.849.982.735
Các khoản phải thu khách hàng khác	14.198.471.471	13.337.864.634
	<b>150.007.537.791</b>	<b>85.166.299.203</b>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)</i>	<b>20.131.097.736</b>	<b>17.202.162.157</b>

**8 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần DVC Việt Nam <sup>(1)</sup>	21.000.000.000	14.000.000.000
Công ty CP Đầu tư nước sạch và môi trường ECO&MORE <sup>(2)</sup>	10.000.000.000	-
	<b>31.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay**

- (1) Hợp đồng vay vốn số 11/2017/HĐTD ngày 04/07/2017 với các nội dung sau:
- + Số tiền cho vay: 14.000.000.000 đồng
  - + Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng kể từ ngày 04/07/2017 đến 03/10/2017;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cố định 4,9%/năm.
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 14.000.000.000 đồng.
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

- Hợp đồng vay vốn số 01/2018/HĐTD ngày 12/07/2018 với các nội dung sau:
- + Số tiền cho vay: 7.000.000.000 đồng
  - + Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng kể từ ngày 12/07/2018 đến 11/10/2018;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cố định 4,9%/năm.
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 7.000.000.000 đồng.
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

- (2) Hợp đồng vay vốn số .../HDV/S99-ECO ngày 28/12/2018 với các nội dung sau:
- + Số tiền cho vay: 10.000.000.000 đồng
  - + Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng kể từ ngày 28/12/2018;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cố định 10%/năm.
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 10.000.000.000 đồng.
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**9 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.882.711.111	-	6.603.000.000	-
Tiền giao dịch tại các Công ty chứng khoán	-	-	38.304.270	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	6.451.250	-	6.451.250	-
Tạm ứng	4.105.110.240	-	3.833.263.767	-
Ký cược, ký quỹ	16.000.000	-	16.000.000	-
Thuế nhà thầu Công trình NamThaun Lào	1.651.087.692	-	1.651.087.692	-
Phải thu khác	15.697.466.700	(4.556.156.954)	15.628.758.114	(4.556.156.954)
	<b>28.358.826.993</b>	<b>(4.556.156.954)</b>	<b>27.776.865.093</b>	<b>(4.556.156.954)</b>
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>				
Ký cược, ký quỹ	220.000.000	-	220.000.000	-
	<b>220.000.000</b>	<b>-</b>	<b>220.000.000</b>	<b>-</b>

**10 . NỢ XẤU**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Ban điều hành Dự án thủy điện Sơn La</i>	16.024.045.596	3.381.152.533	16.024.045.596	8.809.179.698
<i>Đối tượng khác</i>	15.385.866.329	4.440.552.277	15.385.866.329	4.440.552.277
	<b>31.409.911.925</b>	<b>7.821.704.810</b>	<b>31.409.911.925</b>	<b>13.249.731.975</b>

**11 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	444.394.650	-	460.143.421	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.131.095.700	-	3.131.095.700	-
	<b>3.575.490.350</b>	<b>-</b>	<b>3.591.239.121</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**12 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>2.360.144.546</b>	<b>1.832.871.818</b>
Dự án Thủy điện Mường Luân, Điện Biên	2.360.144.546	1.832.871.818
	<b>2.360.144.546</b>	<b>1.832.871.818</b>

**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2018	19.963.241.095	19.026.833.057	97.177.273	39.087.251.425
Mua sắm	-	402.098.334	-	402.098.334
Thanh lý, nhượng bán	-	(647.314.968)	-	(647.314.968)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>19.963.241.095</b>	<b>18.781.616.423</b>	<b>97.177.273</b>	<b>38.842.034.791</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2018	12.483.912.120	14.002.529.308	97.177.273	26.583.618.701
Trích khấu hao	1.799.222.770	1.172.928.621	-	2.972.151.391
Thanh lý, nhượng bán	-	(647.314.968)	-	(647.314.968)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>14.283.134.890</b>	<b>14.528.142.961</b>	<b>97.177.273</b>	<b>28.908.455.124</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2018	7.479.328.975	5.024.303.749	-	12.503.632.724
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>5.680.106.205</b>	<b>4.253.473.462</b>	<b>-</b>	<b>9.933.579.667</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.637.280.700 đồng.

**14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Nhân hiệu, thương hiệu	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2018	250.000.000	92.500.000	342.500.000
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>250.000.000</b>	<b>92.500.000</b>	<b>342.500.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2018	153.125.049	92.500.000	245.625.049
Trích khấu hao	12.500.004	-	12.500.004
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>165.625.053</b>	<b>92.500.000</b>	<b>258.125.053</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2018	96.874.951	-	96.874.951
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>84.374.947</b>	<b>-</b>	<b>84.374.947</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	36.224.517	84.052.067
	<b>36.224.517</b>	<b>84.052.067</b>
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn	36.837.169	563.962.869
Chi phí trả trước dài hạn khác	103.700.738	263.888.889
	<b>140.537.907</b>	<b>827.851.758</b>

**16 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần SCI E&C	78.771.973.362	78.771.973.362	27.362.665.769	27.362.665.769
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh	2.012.608.872	2.012.608.872	3.502.569.922	3.502.569.922
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	11.890.069.484	11.890.069.484	-	-
Các khoản phải trả khác	3.561.699.103	3.561.699.103	3.509.766.459	3.509.766.459
	<b>96.236.350.821</b>	<b>96.236.350.821</b>	<b>34.375.002.150</b>	<b>34.375.002.150</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	541.026.185	310.463.519	-	230.562.666					
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	12.485.501.159	4.392.152.644	13.511.850.858	-	-	3.365.802.945					
Thuế Thu nhập cá nhân	-	939.552	228.698.907	213.053.874	-	-	16.584.585					
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-					
	-	<b>12.486.440.711</b>	<b>5.164.877.736</b>	<b>14.038.368.251</b>	-	-	<b>3.612.950.196</b>					

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	7.171.000	158.471.000
Chi phí phải trả khác	-	515.000.000
	<b>7.171.000</b>	<b>673.471.000</b>

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	216.076.140	224.193.080
Bảo hiểm xã hội	8.373.745	17.074.803
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	3.492.319.120	8.604.169.551
Thù lao Hội đồng quản trị và BKS	202.474.788	593.400.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	92.610.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.880.684.578	1.496.536.228
	<b>99.409.928.371</b>	<b>10.935.373.662</b>
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	56.815.000
	<b>56.815.000</b>	<b>56.815.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, toà nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	88.188.000.000	88.188.000.000	3.188.000.000	88.188.000.000	3.188.000.000	3.188.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	3.188.000.000	3.188.000.000	3.188.000.000	3.188.000.000	3.188.000.000	3.188.000.000
- Trái phiếu thường	85.000.000.000	85.000.000.000	-	85.000.000.000	-	-
	<b>88.188.000.000</b>	<b>88.188.000.000</b>	<b>3.188.000.000</b>	<b>88.188.000.000</b>	<b>3.188.000.000</b>	<b>3.188.000.000</b>
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	3.983.000.000	3.983.000.000	-	3.188.000.000	795.000.000	795.000.000
	<b>3.983.000.000</b>	<b>3.983.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.188.000.000</b>	<b>795.000.000</b>	<b>795.000.000</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	3.188.000.000	-	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>3.983.000.000</b>	<b>3.983.000.000</b>	<b>(3.188.000.000)</b>	<b>3.188.000.000</b>	<b>795.000.000</b>	<b>795.000.000</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

STT	Ngân hàng/Hợp đồng vay	Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ tại ngày 31/12/2018	Phương thức đảm bảo tiền vay
						VND	VND
-	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	12.750.000.000	Bù đắp tiền mua máy móc thiết bị, phương tiện vận tải đã đầu tư.	Thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Áp dụng lãi suất cố định 9%/năm và lãi suất thả nổi tùy theo thời điểm nhận nợ	795.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cño năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Năm 2017		Năm 2018		Cộng VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2017	388.491.390.000	982.166.000	8.192.087.059	35.522.012.433	433.187.655.492
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	38.285.106.763	38.285.106.763
Thù lao BKS và HĐQT không chuyên trách	-	-	-	(708.000.000)	(708.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(41.098.890)	(41.098.890)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>388.491.390.000</b>	<b>982.166.000</b>	<b>8.192.087.059</b>	<b>73.058.020.306</b>	<b>470.723.663.365</b>
Tại ngày 01/01/2018	388.491.390.000	982.166.000	8.192.087.059	73.058.020.306	470.723.663.365
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	17.940.878.082	17.940.878.082
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	19.415.750.000	-	-	(19.415.750.000)	-
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	-	(708.000.000)	(708.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>407.907.140.000</b>	<b>982.166.000</b>	<b>8.192.087.059</b>	<b>70.875.148.388</b>	<b>487.956.541.447</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 30/2018/NQ-SCI-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau: Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5%; Trả thù lao HĐQT không chuyên trách là 708.000.000 đồng.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2018		01/01/2018		Tỷ lệ (%)
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	
Vốn góp của các cổ đông	407.907.140.000	100,00%	388.491.390.000	100,00%	100,00%
	<b>407.907.140.000</b>	<b>100%</b>	<b>388.491.390.000</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	407.907.140.000	388.491.390.000
- Vốn góp đầu năm	388.491.390.000	388.491.390.000
- Vốn góp tăng trong năm	19.415.750.000	-
- Vốn góp cuối năm	407.907.140.000	388.491.390.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.790.714	38.849.139
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	40.790.714	38.849.139
- Cổ phiếu phổ thông	40.790.714	38.849.139
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.790.714	38.849.139
- Cổ phiếu phổ thông	40.790.714	38.849.139
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.192.087.059	8.192.087.059
	<b>8.192.087.059</b>	<b>8.192.087.059</b>

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại	31/12/2018	01/01/2018
Đồng đô la Mỹ (USD)	100,62	100,46

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ.**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.351.034.805	8.666.483.636
Doanh thu hợp đồng xây dựng	164.473.372.061	155.715.078.078
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm	164.473.372.061	155.715.078.078
	<b>171.824.406.866</b>	<b>164.381.561.714</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)	<b>9.092.507.257</b>	<b>8.804.594.457</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.509.855.481	4.230.393.892
Giá vốn hoạt động xây dựng	151.452.979.386	147.081.338.081
	<b>153.962.834.867</b>	<b>151.311.731.973</b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	18.237.157.767	14.190.320.063
Lãi bán các khoản đầu tư	19.072.920.630	42.457.810.215
Cổ tức, lợi nhuận được chia	818.048.800	2.950.418.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	867.985.665	52.045.728
	<b>38.996.112.862</b>	<b>59.650.594.506</b>

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.465.454.810	9.924.357.414
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	1.512.777.779
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	3.501.068.600	3.690.596.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.273.816	48.865.211
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	6.947.868.422	(1.122.314.200)
Chi phí tài chính khác	1.159.434.041	973.621.121
	<b>21.076.099.689</b>	<b>15.027.903.325</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.320.362.334	1.665.544.683
Chi phí nhân công	3.328.065.225	3.138.731.816
Chi phí khấu hao tài sản cố định	318.419.889	691.524.422
Thuế, phí, lệ phí	142.399.554	3.016.500
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	5.428.027.165	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.085.657.344	1.269.594.305
Chi phí khác bằng tiền	1.452.568.904	2.115.691.379
	<b>13.075.500.415</b>	<b>8.884.103.105</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***28 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	72.727.273	637.942.436
Cho thuê văn phòng và tiền điện	2.604.746.555	2.079.914.924
Thu nhập khác	-	691.776.959
	<b>2.677.473.828</b>	<b>3.409.634.319</b>

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Các khoản bị phạt	445.781.294	-
Cho thuê văn phòng và tiền điện	2.604.746.565	2.024.498.095
Chi phí khác	-	1.130.602.037
	<b>3.050.527.859</b>	<b>3.155.100.132</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.333.030.726	49.062.952.004
Các khoản điều chỉnh tăng	445.781.294	632.382.847
- Chi phí không hợp lệ	445.781.294	632.382.847
Các khoản điều chỉnh giảm	(818.048.800)	(2.950.418.500)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(818.048.800)	(2.950.418.500)
Thu nhập tính thuế TNDN	21.960.763.220	46.744.916.351
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.392.152.644</b>	<b>9.348.983.270</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	1.456.261.231
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	12.485.501.159	5.440.357.923
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(13.511.850.858)	(3.760.101.265)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>3.365.802.945</b>	<b>12.485.501.159</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.320.362.334	1.665.544.683
Chi phí nhân công	3.328.065.225	3.156.549.998
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.984.651.395	4.346.397.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.190.891.765	148.367.367.592
Chi phí khác bằng tiền	1.452.568.904	2.144.975.243
	<b>164.276.539.623</b>	<b>159.680.835.078</b>

**32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trong đương tiền	8.953.336.873	-	9.194.884.940	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	178.586.364.784	(23.588.207.115)	113.163.164.296	(18.160.179.950)
Các khoản cho vay	31.000.000.000	-	14.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	47.864.249.391	(12.306.607.291)	89.094.323.061	(5.358.738.869)
Đầu tư dài hạn	218.733.571.540	-	187.550.000.000	-
	<b>485.137.522.588</b>	<b>(35.894.814.406)</b>	<b>413.002.372.297</b>	<b>(23.518.918.819)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	3.983.000.000	92.171.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	195.703.094.192	45.367.190.812
Chi phí phải trả	7.171.000	673.471.000
	<b>199.693.265.192</b>	<b>138.211.661.812</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Tiền và các khoản trong đương tiền	8.953.336.873	-	-	8.953.336.873
Phải thu khách hàng, phải thu khác	154.778.157.669	220.000.000	-	154.998.157.669
Các khoản cho vay	31.000.000.000	-	-	31.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	35.557.642.100	-	-	35.557.642.100
Đầu tư dài hạn	-	218.733.571.540	-	218.733.571.540
	<b>230.289.136.642</b>	<b>218.953.571.540</b>	<b>-</b>	<b>449.242.708.182</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Tại ngày 01/01/2018**

Tiền và các khoản tương đương tiền	9.194.884.940	-	-	9.194.884.940
Phải thu khách hàng, phải thu khác	94.782.984.346	220.000.000	-	95.002.984.346
Các khoản cho vay	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	83.735.584.192	-	-	83.735.584.192
Đầu tư dài hạn	-	187.550.000.000	-	187.550.000.000
	<b>201.713.453.478</b>	<b>187.770.000.000</b>	<b>-</b>	<b>389.483.453.478</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Vay và nợ	3.188.000.000	795.000.000	-	3.983.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	195.646.279.192	56.815.000	-	195.703.094.192
Chi phí phải trả	7.171.000	-	-	7.171.000
	<b>198.841.450.192</b>	<b>851.815.000</b>	<b>-</b>	<b>199.693.265.192</b>

**Tại ngày 01/01/2018**

Vay và nợ	88.188.000.000	3.983.000.000	-	92.171.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	45.310.375.812	56.815.000	-	45.367.190.812
Chi phí phải trả	673.471.000	-	-	673.471.000
	<b>134.171.846.812</b>	<b>4.039.815.000</b>	<b>-</b>	<b>138.211.661.812</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### 34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

#### Theo khu vực địa lý

	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng toàn
	VND	VND	doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ	15.274.678.834	156.549.728.032	171.824.406.866
Tài sản bộ phận	596.216.694.670	96.936.151.346	693.152.846.016

### 35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

#### Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con	415.940.031	213.786.363
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	241.654.245	78.737.273
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con	164.870.635	20.681.818
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	8.270.042.346	8.491.389.003
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	145.412.960.328	142.515.893.956
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	-	1.472.383.372
<b>Lãi cho vay vốn</b>			
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	-	273.750.000
<b>Số dư tại ngày kết thúc năm:</b>			
	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con	2.102.182.310	1.644.648.276
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	460.238.911	194.419.242
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con	181.357.698	-
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	17.387.318.817	15.363.094.639
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	48.859.000	48.859.000
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	78.771.973.362	27.362.665.769

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.393.128.000	1.961.858.539
Trong đó: Thu nhập của Tổng Giám đốc	445.164.000	482.766.667

**36 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.

Nguyễn Thị Tú Quỳnh  
Người lập

Nguyễn Văn Thắng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019